ỨNG DỤNG AI TẠO SINH TRONG ĐÀO TẠO TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Đào Thị Thu Dung
Renmin University of China
Email: thudungdao88@gmail.com

Tóm tắt: *Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative Artificial Intelligence – Generative AI) đang tạo ra những biến đổi sâu sắc đối với giáo dục đại học toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan đến sản xuất tri thức, xử lý thông tin và truyền thông số. Trong bối cảnh đó, các công cụ AI như ChatGPT, Gemini hay DeepSeek đang được ứng dụng ngày càng phổ biến trong đào tạo truyền thông quốc tế nhằm hỗ trợ hoạt động học tập, nghiên cứu và sáng tạo nội dung truyền thông đa nền tảng. Bài viết tập trung phân tích thực trạng ứng dụng AI tạo sinh trong đào tạo truyền thông quốc tế tại một số trường đại học ở Việt Nam và Trung Quốc; đánh giá những tác động của AI đối với năng lực học thuật và kỹ năng truyền thông số của sinh viên; đồng thời làm rõ các vấn đề đặt ra liên quan đến đạo đức học thuật trong môi trường giáo dục số hiện nay. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp khảo sát bảng hỏi đối với sinh viên ngành truyền thông và phỏng vấn bán cấu trúc với giảng viên đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy AI tạo sinh đang trở thành công cụ hỗ trợ học tập quan trọng trong đào tạo truyền thông quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý thông tin, phát triển kỹ năng ngoại ngữ và thúc đẩy sáng tạo nội dung truyền thông. Tuy nhiên, việc phụ thuộc quá mức vào AI cũng làm xuất hiện nguy cơ suy giảm tư duy phản biện, gia tăng tình trạng đạo văn và khó kiểm soát độ tin cậy của thông tin học thuật. Từ đó, bài viết đề xuất một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng AI tạo sinh trong giáo dục đại học tại Việt Nam và Trung Quốc trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu.*

Từ khóa: *AI tạo sinh; truyền thông quốc tế; giáo dục đại học; ChatGPT; năng lực số; đạo đức học thuật.*

GENERATIVE ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN INTERNATIONAL COMMUNICATION EDUCATION: A COMPARATIVE STUDY OF UNIVERSITIES IN VIETNAM AND CHINA

Abstract: *The rapid development of Generative Artificial Intelligence (Generative AI) has brought significant transformations to global higher education, particularly in fields associated with knowledge production, digital communication, and information processing. In this context, AI tools such as ChatGPT, Gemini, and DeepSeek are increasingly applied in international communication training to support learning activities, academic research, and multimedia content creation. This study examines the application of Generative AI in international communication education at selected universities in Vietnam and China; evaluates the impact of AI on students' academic competencies and digital communication skills; and discusses emerging issues related to academic ethics in contemporary digital learning environments. The research employs a mixed-method approach, combining questionnaire surveys with communication-major students and semi-structured interviews with university lecturers. The findings indicate that Generative AI has become an important learning support tool in international communication training, contributing to enhanced information processing efficiency, improved foreign language competence, and increased creativity in digital content production. Nevertheless, excessive dependence on AI also raises concerns regarding the decline of critical thinking, the growing risk of academic plagiarism, and challenges in verifying the reliability of AI-generated information. Based on these findings, the article proposes several recommendations to improve the effective and responsible integration of Generative AI into higher education in Vietnam and China within the broader context of global digital transformation.*

Keywords*: Generative Artificial Intelligence; international communication; higher education; ChatGPT; digital literacy; academic ethics.*

Nhận bài: 09/06/2026 Phản biện: 09/07/2026 Duyệt đăng: 12/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative Artificial Intelligence – Generative AI) đang làm thay đổi căn bản phương thức tiếp cận tri thức trong giáo dục đại học toàn cầu. Khác với các công nghệ hỗ trợ học tập truyền thống, AI tạo sinh không chỉ đóng vai trò như một công cụ xử lý dữ liệu mà còn tham gia trực tiếp vào quá trình kiến tạo nội dung, mô phỏng ngôn ngữ và hỗ trợ hoạt động học thuật. Sự xuất hiện của các nền tảng như ChatGPT, Gemini, Claude hay DeepSeek đã mở rộng đáng kể khả năng tương tác giữa con người và hệ thống trí tuệ nhân tạo trong môi trường giáo dục số.

Trong lĩnh vực truyền thông quốc tế, AI tạo sinh đang tạo ra những thay đổi sâu sắc đối với hoạt động đào tạo nguồn nhân lực. Đặc trưng của ngành truyền thông hiện đại là sự phụ thuộc ngày càng lớn vào dữ liệu số, môi trường truyền thông đa nền tảng và khả năng xử lý thông tin xuyên biên giới. Điều này khiến AI nhanh chóng trở thành

công cụ hỗ trợ quan trọng trong các hoạt động viết nội dung, biên tập truyền thông, dịch thuật, phân tích xu hướng dư luận và xây dựng chiến lược truyền thông số. Đối với sinh viên ngành truyền thông quốc tế, AI tạo sinh không chỉ giúp tối ưu hóa quá trình học tập mà còn góp phần định hình phương thức tiếp cận tri thức và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường truyền thông toàn cầu hóa.

Tuy nhiên, cùng với những lợi ích về hiệu quả học tập và khả năng cá nhân hóa giáo dục, AI tạo sinh cũng đặt ra nhiều tranh luận học thuật liên quan đến đạo đức nghiên cứu, tính xác thực của tri thức và nguy cơ "tự động hóa tư duy học thuật". Một bộ phận sinh viên có xu hướng phụ thuộc vào nội dung do AI tạo ra mà thiếu quá trình kiểm chứng hoặc phản biện thông tin. Điều này đặc biệt đáng chú ý đối với các ngành đào tạo liên quan đến báo chí và truyền thông – lĩnh vực đòi hỏi tính sáng tạo, khả năng phân tích xã hội và năng lực diễn giải độc lập.

Trong những năm gần đây, Trung Quốc được xem là một trong những quốc gia thúc đẩy mạnh mẽ chiến lược phát triển AI trong giáo dục đại học. Nhiều trường đại học lớn đã bước đầu xây dựng mô hình tích hợp AI vào đào tạo báo chí và truyền thông số. Trong khi đó, tại Việt Nam, việc ứng dụng AI tạo sinh trong giáo dục đại học đang diễn ra với tốc độ nhanh, đặc biệt trong nhóm ngành truyền thông, ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Sinh viên ngày càng chủ động sử dụng AI trong học tập, nghiên cứu và sáng tạo nội dung số.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu quốc tế về AI trong giáo dục, các công trình nghiên cứu chuyên sâu về ứng dụng AI tạo sinh trong đào tạo truyền thông quốc tế tại Việt Nam và Trung Quốc vẫn còn tương đối hạn chế. Đặc biệt, các nghiên cứu tiếp cận theo hướng so sánh giữa hai quốc gia chưa nhiều, trong khi đây là vấn đề có ý nghĩa học thuật và thực tiễn quan trọng trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục đại học hiện nay.

Xuất phát từ những cơ sở trên, bài viết tập trung phân tích thực trạng ứng dụng AI tạo sinh trong đào tạo truyền thông quốc tế tại một số trường đại học ở Việt Nam và Trung Quốc; đánh giá tác động của AI đối với năng lực học thuật và kỹ năng truyền thông số của sinh viên; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong giáo dục đại học hiện nay.

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm AI tạo sinh và đặc điểm ứng dụng trong giáo dục đại học

AI tạo sinh được hiểu là hệ thống trí tuệ nhân tạo có khả năng tạo ra dữ liệu hoặc nội dung mới dựa trên quá trình học từ nguồn dữ liệu lớn. Các mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models – LLMs) hiện nay có thể tạo văn bản, hình ảnh, video và âm thanh với mức độ tương tác gần giống con người. Không giống các hệ thống AI truyền thống chỉ thực hiện chức năng phân tích hoặc dự đoán dữ liệu, AI tạo sinh có khả năng tham gia vào quá trình sáng tạo và mô phỏng tư duy ngôn ngữ.

Trong giáo dục đại học, AI tạo sinh được ứng dụng rộng rãi nhằm hỗ trợ viết học thuật, tổng hợp tài liệu, xây dựng ý tưởng nghiên cứu, dịch thuật đa ngôn ngữ và cá nhân hóa học tập. Đối với lĩnh vực truyền thông quốc tế, AI có thể hỗ trợ sinh viên xử lý nội dung truyền thông xuyên biên giới, phân tích dữ liệu dư luận và phát triển sản phẩm truyền thông đa nền tảng.

Sự phát triển của các nền tảng như ChatGPT, Gemini hay DeepSeek cho thấy AI không còn đơn thuần là công cụ hỗ trợ kỹ thuật mà đang từng bước trở thành một thành tố của hệ sinh thái giáo dục số. Điều này tạo ra yêu cầu mới đối với giáo dục đại học trong việc tái cấu trúc chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao năng lực số của người học.

2.2. Lý thuyết chấp nhận công nghệ

Nghiên cứu vận dụng mô hình chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model – TAM) của Davis (1989) nhằm lý giải hành vi sử dụng AI tạo sinh của sinh viên ngành truyền thông quốc tế. Theo mô hình này, quyết định sử dụng công nghệ chịu tác động chủ yếu bởi hai yếu tố:

• Nhận thức về tính hữu ích (Perceived Usefulness);

• Nhận thức về tính dễ sử dụng (Perceived Ease of Use).

Trong môi trường giáo dục đại học, sinh viên có xu hướng sử dụng AI tạo sinh nếu họ nhận thấy công nghệ này giúp nâng cao hiệu quả học tập, tiết kiệm thời gian và hỗ trợ giải quyết các nhiệm vụ học thuật. Đồng thời, mức độ thân thiện của giao diện và khả năng tương tác tự nhiên bằng ngôn ngữ cũng ảnh hưởng đáng kể đến tần suất sử dụng AI.

Việc vận dụng mô hình TAM trong nghiên cứu AI giáo dục cho phép phân tích không chỉ động

cơ tiếp cận công nghệ mà còn phản ánh sự thay đổi trong hành vi học tập của sinh viên trong môi trường giáo dục số hiện nay.

2.3. AI Literacy và năng lực truyền thông số

Khái niệm AI Literacy được hiểu là khả năng hiểu, sử dụng, đánh giá và tương tác với các hệ thống trí tuệ nhân tạo một cách có trách nhiệm và phù hợp với chuẩn mực xã hội. Trong giáo dục đại học, AI Literacy không chỉ bao gồm kỹ năng vận hành công nghệ mà còn liên quan đến năng lực phản biện thông tin, đạo đức học thuật và khả năng nhận diện giới hạn của AI.

Đối với sinh viên ngành truyền thông quốc tế, AI Literacy có ý nghĩa đặc biệt quan trọng do đặc thù của ngành học gắn với môi trường truyền thông xuyên văn hóa và xử lý thông tin đa ngôn ngữ. Trong bối cảnh AI ngày càng tham gia sâu vào hoạt động sản xuất nội dung truyền thông, sinh viên cần phát triển đồng thời năng lực công nghệ và năng lực phản biện nhằm tránh tình trạng phụ thuộc vào hệ thống tự động hóa tri thức.

Ngoài ra, năng lực truyền thông số (Digital Media Literacy) cũng được xem là thành tố quan trọng trong đào tạo truyền thông quốc tế hiện nay. Việc sử dụng AI hiệu quả đòi hỏi sinh viên không chỉ có khả năng tiếp cận công nghệ mà còn phải biết kiểm chứng thông tin, đánh giá độ tin cậy của dữ liệu và sử dụng AI phù hợp với chuẩn mực nghề nghiệp truyền thông.

2.4. Tổng quan nghiên cứu

Trong những năm gần đây, AI tạo sinh trong giáo dục đại học đã thu hút sự quan tâm lớn. Kasneci và cộng sự (2023) cho rằng AI tạo sinh thúc đẩy học tập cá nhân hóa và mở rộng tiếp cận tri thức, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm tư duy phản biện và gia tăng phụ thuộc công nghệ. Dwivedi và cộng sự (2023) nhận định ChatGPT và AI đang thay đổi hoạt động truyền thông thông qua tự động hóa sản xuất nội dung và xử lý dữ liệu, đặt ra yêu cầu mới đối với đào tạo truyền thông.

Tại Trung Quốc, nhiều trường đại học đã tích hợp AI vào đào tạo báo chí – truyền thông số; sinh viên coi AI là công cụ hỗ trợ học tập và sáng tạo nội dung, đồng thời chiến lược "AI + giáo dục" được thúc đẩy mạnh mẽ. Trong khi đó, ở Việt Nam, nghiên cứu về AI chủ yếu tập trung vào công nghệ thông tin, ngoại ngữ và giáo dục trực tuyến; các nghiên cứu về AI tạo sinh trong đào tạo truyền thông quốc tế, đặc biệt là nghiên cứu so sánh giữa Việt Nam và Trung Quốc, vẫn còn hạn chế. Đây là khoảng trống mà bài viết hướng tới bổ sung.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp nhằm kết hợp dữ liệu định lượng và định tính trong quá trình phân tích.

Về phương pháp định lượng, tác giả tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi đối với 220 sinh viên ngành truyền thông, báo chí và quốc tế học tại một số trường đại học ở Việt Nam và Trung Quốc. Nội dung khảo sát tập trung vào:

- mức độ sử dụng AI tạo sinh trong học tập;
- mục đích sử dụng AI;
- đánh giá tác động của AI đối với kỹ năng học thuật;
- các vấn đề liên quan đến đạo đức học thuật và tư duy phản biện.

Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ nhằm đo lường mức độ đồng thuận của người tham gia khảo sát.

Bên cạnh khảo sát sinh viên, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc với 10 giảng viên đại học thuộc lĩnh vực truyền thông và báo chí nhằm thu thập đánh giá về xu hướng ứng dụng AI trong đào tạo hiện nay.

Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS thông qua các phương pháp thống kê mô tả và so sánh trung bình. Dữ liệu định tính được mã hóa theo chủ đề nhằm làm rõ các xu hướng và quan điểm nổi bật liên quan đến ứng dụng AI trong giáo dục đại học.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Thực trạng sử dụng AI tạo sinh trong học tập của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy AI tạo sinh đang được sử dụng phổ biến trong nhóm sinh viên ngành truyền thông quốc tế. Có tới 87% sinh viên được hỏi cho biết họ thường xuyên sử dụng ít nhất một công cụ AI trong quá trình học tập và nghiên cứu.

ChatGPT là nền tảng được sử dụng nhiều nhất nhờ khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên và hỗ trợ viết học thuật. Trong khi đó, DeepSeek được sinh viên Trung Quốc sử dụng với tần suất cao hơn do khả năng tối ưu hóa tiếng Trung và mức độ tích hợp với hệ sinh thái công nghệ trong nước.

Các mục đích sử dụng AI phổ biến bao gồm:

- tìm kiếm ý tưởng nghiên cứu;
- dịch thuật học thuật;
- tóm tắt tài liệu;
- hỗ trợ viết nội dung truyền thông;
- xây dựng dàn ý học thuật.

Kết quả nghiên cứu phản ánh xu hướng chuyển dịch từ mô hình học tập truyền thống sang mô hình học tập dựa trên hỗ trợ công nghệ số và dữ liệu thông minh.

4.2. Tác động của AI đối với đào tạo truyền thông quốc tế

Nghiên cứu cho thấy AI tạo sinh mang lại nhiều tác động tích cực đối với quá trình đào tạo truyền thông quốc tế.

Trước hết, AI giúp tối ưu hóa quá trình xử lý thông tin và tiếp cận nguồn tri thức quốc tế. Sinh viên có thể nhanh chóng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp dữ liệu và xây dựng ý tưởng nghiên cứu trong thời gian ngắn hơn so với phương thức học tập truyền thống.

Bên cạnh đó, AI góp phần nâng cao kỹ năng ngoại ngữ và khả năng truyền thông đa ngôn ngữ. Việc sử dụng AI trong dịch thuật và chỉnh sửa học thuật giúp sinh viên tiếp cận tốt hơn với tài liệu quốc tế và cải thiện kỹ năng viết chuyên ngành.

Ngoài ra, AI còn thúc đẩy khả năng sáng tạo nội dung truyền thông số. Sinh viên có thể khai thác AI trong xây dựng video ngắn, thiết kế nội dung mạng xã hội hoặc phát triển sản phẩm truyền thông đa nền tảng. Điều này cho thấy AI đang từng bước tham gia vào quá trình tái cấu trúc kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực truyền thông hiện đại.

4.3. Sự thay đổi vai trò của giảng viên trong môi trường giáo dục tích hợp AI

Việc ứng dụng AI tạo sinh không chỉ thay đổi cách học của sinh viên mà còn làm chuyển đổi vai trò của giảng viên trong đào tạo truyền thông quốc tế. Thay vì chủ yếu truyền đạt tri thức, giảng viên ngày càng giữ vai trò định hướng học thuật, kiểm chứng thông tin và phát triển tư duy phản biện cho người học.

Các công cụ như ChatGPT hay DeepSeek giúp sinh viên chủ động tìm kiếm thông tin, xây dựng ý tưởng và hỗ trợ học tập, từ đó giảm sự phụ thuộc vào giảng viên. Điều này đòi hỏi hoạt động giảng dạy, đặc biệt trong lĩnh vực truyền thông quốc tế, phải thích ứng với môi trường tri thức biến đổi nhanh dưới tác động của công nghệ và toàn cầu hóa.

Trong bối cảnh đó, giảng viên cần trở thành người hướng dẫn, giúp sinh viên phát triển năng lực phản biện, kiểm chứng thông tin và sử dụng AI có trách nhiệm. Đồng thời, AI cũng tạo áp lực đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và nâng cao năng lực số của giảng viên. Trong tương lai, năng lực ứng dụng AI hiệu quả sẽ trở thành một tiêu chí quan trọng đối với đội ngũ giảng viên trong lĩnh vực truyền thông và báo chí.

4.4. Những thách thức đặt ra đối với giáo dục đại học

Mặc dù mang lại nhiều lợi ích, AI tạo sinh cũng đặt ra không ít thách thức đối với đào tạo truyền thông quốc tế.

Một trong những vấn đề nổi bật là nguy cơ suy giảm tư duy phản biện của sinh viên. Việc quá phụ thuộc vào nội dung do AI tạo ra có thể khiến người học hạn chế khả năng phân tích và đánh giá thông tin một cách độc lập.

Bên cạnh đó, vấn đề đạo đức học thuật đang trở thành thách thức lớn trong giáo dục đại học hiện nay. Một số giảng viên cho rằng việc sinh viên sử dụng AI để viết bài nhưng không trích dẫn nguồn hoặc thiếu kiểm chứng thông tin có thể làm gia tăng nguy cơ đạo văn học thuật.

Ngoài ra, AI tạo sinh đôi khi cung cấp dữ liệu thiếu chính xác hoặc tạo ra nguồn tham khảo không tồn tại. Điều này đặt ra yêu cầu mới đối với năng lực kiểm chứng thông tin và trách nhiệm học thuật của sinh viên trong môi trường giáo dục số.

4.5. So sánh xu hướng ứng dụng AI giữa Việt Nam và Trung Quốc

Kết quả nghiên cứu cho thấy Trung Quốc đang có tốc độ tích hợp AI vào giáo dục đại học nhanh hơn Việt Nam nhờ lợi thế về hạ tầng công nghệ và chính sách quốc gia về phát triển trí tuệ nhân tạo.

Nhiều trường đại học Trung Quốc đã bước đầu xây dựng chương trình đào tạo tích hợp AI trong lĩnh vực báo chí và truyền thông số. Sinh viên được tiếp cận công nghệ AI như một phần của hệ sinh thái học tập và nghiên cứu.

Trong khi đó, tại Việt Nam, việc ứng dụng AI trong đào tạo truyền thông quốc tế chủ yếu vẫn mang tính tự phát và phụ thuộc vào khả năng tiếp cận công nghệ của từng cá nhân. Một số cơ sở đào tạo vẫn chưa xây dựng quy định cụ thể về việc sử dụng AI trong học tập và nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, cả Việt Nam và Trung Quốc đều đang đối mặt với các vấn đề chung liên quan đến quản lý đạo đức học thuật, đào tạo năng lực AI Literacy và kiểm soát chất lượng thông tin trong môi trường giáo dục số.

4.6. AI tạo sinh và xu hướng tái cấu trúc nghề nghiệp truyền thông

Sự phát triển của AI tạo sinh không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo mà còn đặt ra những thay đổi mang tính cấu trúc đối với thị trường lao động truyền thông hiện nay. Trong lĩnh vực báo chí và truyền thông quốc tế, nhiều công việc mang tính kỹ thuật như biên tập nội dung cơ bản, dịch thuật, tổng hợp thông tin hay xây dựng nội dung truyền thông số đang từng bước được hỗ trợ bởi hệ thống AI.

Điều này làm xuất hiện tranh luận về khả năng thay thế một phần lao động truyền thông truyền

thống trong tương lai. Một số nghiên cứu quốc tế cho rằng AI có thể làm thay đổi cấu trúc kỹ năng nghề nghiệp trong ngành báo chí và truyền thông, chuyển trọng tâm từ kỹ năng sản xuất nội dung đơn thuần sang năng lực sáng tạo, phân tích dữ liệu và kiểm chứng thông tin. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đối với sinh viên ngành truyền thông quốc tế không còn chỉ dừng ở khả năng viết hoặc xử lý nội dung mà cần mở rộng sang năng lực quản trị công nghệ, tư duy chiến lược và kỹ năng tương tác với hệ thống AI.

Đối với giáo dục đại học, xu hướng này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc đổi mới chương trình đào tạo truyền thông theo hướng tích hợp công nghệ số và AI literacy. Việc đào tạo sinh viên không nên chỉ tập trung vào kỹ năng sử dụng công cụ AI mà cần hướng tới phát triển tư duy phản biện, đạo đức nghề nghiệp và năng lực sáng tạo – những yếu tố khó có thể bị thay thế hoàn toàn bởi trí tuệ nhân tạo.

Có thể nhận thấy rằng, AI tạo sinh không đơn thuần là một công cụ hỗ trợ học tập mà đang từng bước tham gia vào quá trình tái cấu trúc hệ sinh thái truyền thông toàn cầu. Điều này đòi hỏi các cơ sở đào tạo truyền thông quốc tế tại Việt Nam và Trung Quốc cần chủ động thích ứng nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực phù hợp với môi trường truyền thông số trong tương lai.

V. KẾT LUẬN

AI tạo sinh đang tạo ra những thay đổi đáng kể đối với đào tạo truyền thông quốc tế trong giáo dục đại học hiện nay. Các công cụ AI như ChatGPT, Gemini hay DeepSeek không chỉ hỗ trợ quá trình học tập và nghiên cứu mà còn góp phần tái cấu trúc phương thức tiếp cận tri thức của sinh viên trong môi trường truyền thông số toàn cầu.

Kết quả nghiên cứu cho thấy AI tạo sinh mang lại nhiều lợi ích trong việc nâng cao hiệu quả học tập, phát triển kỹ năng ngoại ngữ và thúc đẩy sáng tạo nội dung truyền thông. Tuy nhiên, cùng với những cơ hội đó là hàng loạt thách thức liên quan đến đạo đức học thuật, nguy cơ phụ thuộc công nghệ và suy giảm tư duy phản biện của người học.

Trong bối cảnh đó, các trường đại học cần xây dựng cơ chế quản lý và hướng dẫn sử dụng AI phù hợp với chuẩn mực học thuật. Đồng thời, cần chú trọng phát triển năng lực AI Literacy và năng lực phản biện số cho sinh viên nhằm bảo đảm việc ứng dụng AI diễn ra theo hướng hiệu quả và có trách nhiệm.

Bên cạnh đó, giảng viên cần đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá nhằm thích ứng với môi trường giáo dục số, khuyến khích sinh viên phát triển tư duy độc lập thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ AI.

Ngoài ra, cần thúc đẩy hợp tác nghiên cứu giữa Việt Nam và Trung Quốc trong lĩnh vực giáo dục số và truyền thông quốc tế nhằm chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đào tạo và thích ứng với xu hướng chuyển đổi số toàn cầu hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. MIS Quarterly, 13(3), 319–340. https://doi.org/10.2307/249008

Dwivedi, Y. K., Kshetri, N., Hughes, L., Slade, E. L., Jeyaraj, A., Kar, A. K., et al. (2023). So what if ChatGPT wrote it? Multidisciplinary perspectives on opportunities, challenges and implications of generative conversational AI for research, practice and policy. International Journal of Information Management, 71, 102642. https://doi.org/10.1016/j.ijinfomgt.2023.102642

Kasneci, E., Sessler, K., Küchemann, S., Bannert, M., Dementieva, D., Fischer, F., et al. (2023). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. Learning and Individual Differences, 103, 102274. https://doi.org/10.1016/j.lindif.2023.102274

UNESCO. (2023). Guidance for generative AI in education and research. Paris: UNESCO. https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000386693

Zawacki-Richter, O., Marín, V. I., Bond, M., & Gouverneur, F. (2019). Systematic review of research on artificial intelligence applications in higher education. International Journal of Educational Technology in Higher Education, 16(39). https://doi.org/10.1186/s41239-019-0171-0

Huang, J., & Chen, Y. (2024). Artificial intelligence and digital journalism education in China. Journalism and Mass Communication Education, 79(1), 55–68.